

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Hiệp định đình chiến giữa miền Bắc Việt Nam (Hiệp định đình chiến Genève) ngày 20-7-1954 chia hai miền Bắc Việt Nam tại sông Bến Hải,

thuộc tỉnh Quảng Trị. Sông Bến Hải nằm ở vĩ tuyến 17. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) ở phía bắc và Quốc Gia Việt Nam ở phía nam.



Hiệp định đình chiến Genève

1.- VIÊN C ĐỘI N

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rộng khoảng 60.900 dặm vuông (khoảng 158.340 km²), (1) do Đảng Lao Động (LĐ) cai trị, Hồ Chí Minh làm chủ tịch nước, Phạm Văn Đồng làm thủ tướng. Đảng LĐ chủ trương độc lập, chủ quyền tài toàn, mặt mình nằm chủ tịch chính quyền. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là nước công xã hội đầu tiên và duy nhất ở Đông Nam Á.

Ngoài thủ đô là Hà Nội, VNDCCH còn có các hội công quan trọng là Hội Phòng, Vinh. Dân số năm 1955 miền Bắc là 13.574.000 người. (2) Các tỉnh phía bắc vĩ tuyến 17 vào thời điểm miền Bắc VNDCCH tiếp thu, có thể kể:

Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Kiến An, Quảng Yên, Hải Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, bắc Quảng Trị.

Quân đội Việt Minh (VM) tiếp thu Hà Nội ngày 10-10-1954. Chủ tịch Ủy ban Quân quản Hà Nội của VM là Võ Nguyên Giáp, người đã chỉ huy cuộc tấn công Hà Nội ngày 19-12-1946 và trở thành thành viên đầu tiên của VM là số đoàn 308. Hồ Chí Minh từ vùng chiến khu Việt Bắc về Hà Nội ngày 15-10-1954, bắt đầu thời kỳ tiếp thu công cuộc miền Bắc.

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Hội Phòng, điếm tập trung đßng bào miền Bắc muộn đi cß vào miền Nam bằng tàu thủy, do VM tập thu ngày 13-5-1955. Nhóm toán lính Pháp cuối cùng rời đßo Cát Bà (vßnh Hải Long, vùng Hội Phòng) ngày 22-5-1955, thì VM mới thực làm chủ hoàn toàn miền Bắc.

Thßi điếm nßy cũng chủm dứt luôn thßi hạn 300 ngày ở miền Bắc mà bên “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954” cho phép dân chúng đßng cß tß do di chuyển nß khu vực thußc phía bên nßy sang khu vực thußc phía bên kia.

Sßngßi tß miền Nam tập kết ra Bắc không đßng cß thßng kê đßy đß. Theo sß trình bày của Võ Nguyên Giáp tßi Hội nghị Lißu Châu (Qußng Tây, Trung Hoa) tßng 3-7-1954 giữa Hội Chí Minh và Chu Ân Lai, thß tßng Trung Quốc, trßng khi chißn tranh kết thúc, VM đß tính bßng đßu rút ra Bắc khoßng 60.000 ngßi, trong đó 50.000 ngßi là bß đßi và 10.000 ngßi làm công tác chính trị, nhßt là nhßng ngßi “đß” quá, bß lß đißn, không thßng đßi.(3) Đây chủ là sß lßng Võ Nguyên Giáp đß tính, trong khi có tài lißu cßng sßn cho rßng sßngßi tß tập kết ra Bắc khoßng 175.000 cán bộ và 15.000 hßc sinh. (Đßng Phong (chß biên), sßd. tr. 45.)

Sßngßi tß miền Bắc đi cß vào miền Nam lên đßn khoßng gần 900.000 ngßi.(4) Nhóm thành phần chủßng cßng, đßi lßp, bßt đßng chính kiến, nhßng nhân vật trong các đßng phái theo chủ nghĩa dân tộc, đßu rút vß miền Nam. Đißu nßy có lßi cho việc cai trị của đßng Lao Đông (LĐ) tßc đßng Cộng sản Bắc Việt vì không còn, hay còn ít ngßi đßi kháng vßi chủ đßng sßn đßi đßt Bắc.

Tß tháng 9-1954, nghĩa là sau hiệp định Genève và trßng khi vß Hà Nội, Phạm Văn Đßng đßng cß giß chủßng thß tßng chính phủ VNDCCH thay Hội Chí Minh. Tuy nhiên, mãi đßn tháng 9-1955, đßng LĐ mới trißu tập trßng lßi nhßng thành viên còn sót lßi tß qußc hßi Khóa I (ngày 6-1-1946). Trong phiên họp tßi Hà Nội ngày 20-9-1955, qußc hßi nßy thông qua thành phần chính phủ Phạm Văn Đßng nhß sau:

Chủ tßch VNDCCH – Hội Chí Minh

Thß tßng kiêm bộ trßng Ngoại giao – Phạm Văn Đßng

Mi n B c Vi t Nam sau hi p đ nh Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Tr n Gia Ph ng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Phó th t ng kiêm b tr ng N i v – Phan K To i

Phó th t ng kiêm b tr ng Qu c phòng – Võ Nguyên Giáp

Phó th t ng kiêm Ch nhi m B Khoa h c nhà n c – Tr ng Chinh (t tháng 4-1958)

Phó th t ng – Ph m Hùng (t tháng 4-1958)

B tr ng b Công an – Tr n Qu c Hoàn

B tr ng b Giáo d c – Nguy n Văn Huyền

B tr ng b Tài chính – Lê Văn Hi n (đ n tháng 5-1958) – Hoàng Anh (t tháng 6-1958)

B tr ng Giao thông và B u đi n – Nguy n Văn Trân

B tr ng Th y l i và Ki n trúc – Tr n Đăng Khoa (đ n tháng 4-1958)

B tr ng Th y l i – Tr n Đăng Khoa (t tháng 4-1958)

B tr ng Ki n trúc – Bùi Quang T o (t tháng 4-1958)

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tài liệu: Trọn Gia Phụng

Thư: Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Bộ trưởng Công nghiệp – Lê Thanh Nghị

Bộ trưởng Thương nghiệp – Phan Anh (đón tháng 4-1958)

Bộ trưởng Ngoại giao – Phan Anh (từ tháng 4-1958)

Bộ trưởng Nội vụ – Đào Mạnh (từ tháng 4-1958)

Bộ trưởng Y tế – Hoàng Tích Tri (đón tháng 12-1958 – Phạm Ngọc Thạch (từ tháng 12-1958)

Bộ trưởng Lao động – Nguyễn Văn Tố

Bộ trưởng Tư pháp – Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng Văn hóa – Hoàng Minh Giám

Bộ trưởng Thương binh – Vũ Đình Tố (giữa tháng 5-1959)

Bộ trưởng Cựu tử – Nguyễn Xiển (giữa tháng 5-1959)

Bộ trưởng Nông lâm – Nghiêm Xuân Yêm

Bộ trưởng Phụ nữ – Phạm Hùng (đón tháng 4-1958) – Nguyễn Duy Trinh (4/1958 – 12/1958) – Nguyễn Khan (từ tháng 5-1959)

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tài liệu: Trích Gia Phụng

Thư số: Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Nhà nước – Nguyễn Văn Trân (4-1958 đến 12-1958) – Nguyễn Duy Trinh (từ tháng 12-1958)

Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm UBKHNN – Nguyễn Văn Trân (từ tháng 12-1958) – Lê Văn Hiến (từ 12-1958) (5)

Chính phủ hoạt động theo những quy tắc của Bộ chính trị và Ủy ban Trung ương đảng LĐ. Ngoài ra, chính phủ còn đứng đầu sự hình thành Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), một bộ phận ngoại vi của đảng LĐ. Nguyên nhân ở đây, ngày 27-5-1946, Việt Minh thành lập Mặt trận Liên Việt (Liên hiệp Quốc dân Việt Nam), do Huân Thúc Kháng làm chủ tịch, Tôn Đức Thắng, phó chủ tịch. Năm 1947, Huân Thúc Kháng từ chức, Tôn Đức Thắng lên thay. (Đoàn Thêm, sđd. tr. 24.) Trong đời sống từ 5 đến 10-9-1955, Mặt trận Liên Việt tuyên bố hoàn thành nhiệm vụ và tổ chức giải tán, chuyển qua thành MTTQ cũng do Tôn Đức Thắng làm chủ tịch.

Theo kế hoạch của CSVN, giai đoạn từ 1955 đến 1960 được gọi là giai đoạn xây dựng miền Bắc, chia thành hai thời kỳ: thời kỳ khôi phục kinh tế (1955-1957) và cải tạo xã hội chủ nghĩa theo đường lối công nông, thị trường, hợp tác kinh tế (1958-1960). Để thực hiện các kế hoạch này, nhà nước công nông mới lập ra cuộc Cải cách ruộng đất (CCRD) với nhiệm vụ tiêu diệt mạt lùc, và chuyển đổi phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, đóng khung chính trị và văn hóa theo khuôn khổ chủ nghĩa công nông.

2. VIỆT CỘNG I NGOẠI

Bắc Việt Nam liên lạc ngoại giao chính với các nước trong khối công nông và thêm một số nước trung lập. Lúc đó, hai cường quốc công nông là Liên Xô và Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa đang tranh chấp nhau. Cuộc tranh chấp Nga Hoa vừa gây khó khăn, đảng thời cũng có lợi cho Bắc Việt Nam. Khó khăn vì Bắc Việt Nam phải giành thắng lợi trong việc ngoại giao với hai cường quốc công nông. Có lợi vì Bắc Việt Nam lợi dụng cuộc tranh cãi giữa hai bên, đứng ngoài, thủ công lừa dối và xin hai nước viện trợ tài trợ. Cả hai bên đều tranh đua gia tăng viện trợ nhằm lôi kéo Bắc Việt Nam về phe mình.

Theo chủ trương chung sống hòa bình, vào đầu năm 1957, Liên Xô đồng ý hai miền Bắc và

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc (LHQ) như hai nước riêng biệt. Chính phủ Bắc Việt quyßt liệt phßn đßi.(6) Sau khi phß thßng Liên Xô, Anatas Mikoyan, đßn Trung Quốc vào thßng 4-1956 gißi thßch chính sách mßi cßa Liên Xô, thßi vào gißa thßng 5-1957, Kliment Voroshilov, chß tßch đßan Chß tßch Tßi cao Liên Xô, đßn thăm Hà Nội.

Có thß trßc đß Liên Xô đã thăm dò ý kißn Bắc Việt và sß rßng Bắc Việt sß xích gßn vßi Trung Quốc nßu Liên Xô không ßng hß Bắc Việt, nßn sau khi gßp các lßnh tß Bắc Việt tßi Hà Nội, Voroshilov tuyên bß rßng Liên Xô bßo đßm sß không chßp nhßn cho Việt Nam Cßng Hòa gia nhßp LHQ và sß gia tăng vißn trß cho Bắc Việt. (Vào thßng 9-1957, Liên Xô phß quyßt khi vßn đß nßy đßc đßa ra trßc Hßi đßng Bßo an Liên Hiệp Quốc.)(7)

Việt quyßt tâm xâm lăng miền Nam đßa đßn mßt nhu cßu lßn lao cho đßng LßVN: đß là vißn trß tß các nßc ngoßi. Vß quân sß, Bắc Việt rßt cßn thißt bß, quân xa, quân đßng, súng ßng tßi tân đß chßng lßi vũ khí Hoa Kß ß miền Nam. Trong khi đß, nßn kinh tß và kßng hß Bắc Việt suy kißt mßt cách trßm trßng, không đß nuôi dân cũng nhß không thß cung ßng nhu cßu chißn trßng. Tß thßng 9-1954, khi đßng Lß mßi cßm quyßn ß Bắc Việt, Bắc Việt xßy ra nßn đßi.(8) Nßn đßi kéo dài trong giai đß n CCRĐ.

Bắc Việt chß còn cách duy nhßt là cßu vißn cß hai cßng qußc cßng sßn là Liên Xô và Trung Quốc mßi có thß tßn công miền Nam. Trßc tình trßng khßi CSQT bßt đßu rßn nßt, Bắc Việt không mußn làm mßt lòng mßt trong hai nßc nói trên, đßng thßi mußn lßi đßng tình trßng nßy đß kêu gßi cß hai cßng qußc cßng sßn vißn trß tßi đßa cho Bắc Việt Nam.

Ngoài nhu cßu vißn trß quân sß và kinh tß, gißa hai chính sách đßi ngoßi cßa hai nßc Liên Xô và Trung Quốc, chính sách lúc đß vßa bßo thß vßa hißu chißn và cßng rßn cßa Trung Quốc, sß sàng yßm trß và vißn trß các phong trào cßng sßn tßi các qußc gia trên thß gißi, đß khuyßn đßo chính trß, nhßt là lßp trßng cßng quyßt chßng Mß bßt cß nßi nào trên thß gißi, thßch hßp vßi lßp trßng hißu chißn cßa Bắc Việt, đßng kißm cách xâm lăng miền Nam đßi chißu bài “chßng Mß cßu nßc”. Vì vßy, tuy bß ngoßi Bắc Việt giß thßng bßng gißa hai nßc, nhßng bên trong, nhßng nhà lßnh đßo đßng Lß theo chß trßng cßa Trung Quốc hßn là Liên Xô. Cũng vì vßy, năm 1958, Phßm Văn Đßng, thß tßng Bắc Việt Nam đã ký công hàm ngày 14-9-1958, ßng hß tuyên bß ngày 4-9-1958 cßa Chu Ân Lai, thß tßng CHNDTQ.

Nguyên tß 24-2 đßn 29-4-1958, các thành viên Liên Hiệp Quốc (LHQ) hßp tßi Genève bàn vß lußt bißn. Hßi nghß ký kßt bßn quy ßc vß lußt bißn. Riêng quy ßc vß hßi phßn mßi nßc, có 3 đßng hß: 3 hßi lý, 12 hßi lý và 200 hßi lý. Không đßng hß nào hßi đß tßc sß 2/3, nßn LHQ chßa

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

có quyät định thống nhất. Lúc đó, Trung Quốc và hai miền Nam và Bắc Việt Nam không phải là thành viên LHQ nên không tham dự hội nghị này.

Trước sự tranh cãi về hội phận, ngày 28-6-1958, Mao Trạch Đông tuyên bố với nhóm đồng nghiệp lãnh thân cận: “Ngày nay, Thái Bình Dương không yên ổn. Thái Bình Dương chỉ yên ổn khi nào chúng ta làm chủ nó.”(9) Sau khi Khrushchev viếng thăm Bắc Kinh từ 31-7 đến 3-8-1958, Trung Quốc pháo kích và đe dọa hai quần đảo Kim Môn và Mã Tổ (Kinmen and Matsu) ngày 23-8-1958. Phải chăng hành động này nhằm đòi hỏi chủ quyền trên hai quần đảo này, hay để xác định chủ quyền của hội phận của Trung Quốc?

Hai quần đảo này nằm gần đảo của Trung Quốc nhưng thuộc quyền quản lý hành chính của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Hoa Kỳ liên hệ Hội và Không quân đến báo với hai quần đảo này theo Hiệp định Phòng thủ Hội đồng giữa Hoa Kỳ và THĐQ, ký kết tại Đài Bắc (Taipei) ngày 2-12-1954. Đảo đến của chúng không thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.

Tiếp đó, ngày 4-9-1958, Trung Quốc đưa ra tuyên bố về hội phận gồm 4 điểm, trong đó điểm 1 và điểm 4 được dịch như sau:

(1) Biên giới lãnh hội của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc là 12 hội lý. Điểm 1 này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hội đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hội đảo khác bên biển) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa [Xisha tức Hoàng Sa], quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa [Nansha tức Trường Sa], và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

(4) Điểm (2) và (3) bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu [Bành Hồ], quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc... (Bản dịch của Trung Tâm Dữ Kiện. <http://law.hku.hk/clsourcebook/10033.htm>)

Mục đích của bản tuyên bố ngày 4-9-1958 nhằm xác định hội phận của Trung Quốc là 12 hội lý. Tuy nhiên điểm 1 và điểm 4 của bản tuyên bố có ý lập luận và khẳng định chủ quyền của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (vốn của Việt Nam) thuộc chủ quyền của Trung Quốc và Trung Quốc gọi theo tên Trung Quốc là Xisha [Tây Sa tức Hoàng Sa] và Nansha [Nam Sa tức

Miễn Bức Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Tráng Sa].

Nhá thá, rá ràng bán tuyên cáo ngày 4-9-1958 cáa CHNDTQ đáa ra hai chá đái m: 1) Xác đánh hái phán cáa Trung Quác là 12 hái lý. 2) Xác đánh chá quyán cáa Trung Quác trên mát sá quán đáo trong đó có hai quán đáo Hoàng Sa và Tráng Sa ván cáa Viát Nam tá lâu đái.

Vì muán láy lòng Trung Quác đá đác vián trá, Phám Văn Đáng, thá táng Bác Viát, ký công hàm ngày 14-9-1958, tán thành quyát đánh vá hái phán cáa Trung Quác, nguyên văn nhá sau:

“Chính phá nác Viát Nam Dân Chá Cáng Hòa ghi nhán và tán thành bán tuyên bá ngày 4 tháng 9 năm 1958 cáa Chính phá nác Cáng Hòa Nhân Dân Trung Quác, quyát đánh vá hái phán cáa Trung Quác.

Chính phá nác Viát Nam Dân Chá Cáng Hòa tôn tráng quyát đánh áy và sá chá thá cho các cá quan Nhà nác có trách nhiám trá tá tôn tráng hái phán 12 hái lý cáa Trung Quác trong mái quan há vái nác Cáng Hòa Nhân Dân Trung Quác trên mát bá.” (Nguán: Internet)

Cán chú ý là nhà cám quyán VNDCCH chá là cánh tay nái dài cáa đáng Lao Đáng (LĐ), nên công hàm cáa Phám Văn Đáng phái đác Há Chí Minh và lãnh đáo đáng LĐ chuán thuán.

Chuyán hái phán 12 hái lý là chuyán cáa Trung Quác. Há Chí Minh và đáng LĐ áng há hay không, dân chúng Viát Nam không cán quan tâm. Tuy nhiên, đái vái dân chúng Viát Nam, chuyán Phám Văn Đáng cùng Há Chí Minh và đáng LĐ tán thành “quán đáo Tây Sa, quán đáo Trung Sa, quán đáo Nam Sa, và các đáo khác thuác Trung Quác” là mát hành vi phán quác đáng lên án còn hán cá Trán Ích Tác vào thá ká 13 hay bà thái háu nhà Lê qua cáu vián quân Thanh vào thá ká 18, vì đã ngang nhiên giao hái đáo do tá tiên đá lái cho ngoái bang.

KáT LUáN

Sau hiáp đánh Genève (20-7-1954), Há Chí Minh, Viát Minh và đáng LĐ nám quyán cai trá á

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Trần Gia Phong

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Miền Bắc khá thuôn lồi vì sườn có bộ máy cầm quyền đặt tài toàn trệch t ch, trong khi nhng ng i theo ch nghĩa dân t c đ u đã b đ t B c, di c vào Nam, không có m t t ch c nào gài ng i i i miền B c.

Chính ph VNDCCH là cánh tay n i dài và là công c thi hành nhng quy t đ nh c a đ ng LĐ, b t tay ngay vào vi c áp đ t h th ng kinh t ch huy c a ch đ c ng s n, nh m n đ nh tuy t đ i i miền B c, đ chu n b ti p t c chi n tranh đánh chi m miền Nam.

Vì quy t tâm xâm lăng miền Nam, c n s vi n tr c a ngo i bang, ngày 14-9-1958 đ ng LĐ lên ti ng th a nh n tuyên b ngày 4-9-1958 c a Trung Qu c v v n đ h i ph n. Trong tuyên b ngày 4-9-1958, Trung Qu c kh ng đ nh r ng Hoàng Sa và Tr ng Sa thu c lãnh th Trung Qu c và Trung Qu c đ t tên là Tây Sa và Nam Sa. Vi c th a nh n n y c a đ ng LĐ là m t hành vi ph n qu c tr ng tr n, vì l ch s cho th y hai qu n đ o n y thu c quy n s h u c a Vi t Nam t nhi u th k tr c. (Trích t Vi t s đ i c ng t p VI, s xu t b n).

© Trần Gia Phong
(Toronto, 01-12-2011)

CHÚ THÍCH

1. William Bridgwater và Seymour Kurtz, *The Illustrated Columbia Encyclopedia*, Vol. 21, New York: Columbia University Press, m c "Viet Nam", tr. 6481. [S trang liên t c t t p đ u đ n t p cu i.]
2. Đ ng Phong ch biên, *L ch s kinh t Vi t Nam 1945-2000*, t p II: 1955-1975, Hà N i: Nxb. Khoa H c Xã H i, 2005, tr. 174.
3. Ti n Giang, *Chu Ân Lai đ Nh t-N i-Ngõa h i ngh [Chu Ân Lai và h i ngh Genève]*, B c Kinh: Trung C ng đ ng s xu t b n xã, 2005, b n d ch c a D ng Danh Dy, Vai trò c a Chu Ân Lai t i Genève năm 1954, ch. 27 "H i ngh Li u Châu then ch t". [Ngu n: Internet.]
4. Theo Đoàn Thêm, *Hai m i năm qua: Vi c t ng ngày (1945-1964)*, Sài Gòn 1966, Xuân Thu California, tái b n không đ năm, tr. 195, đ n ngày 30-10-1955 là ngày chính th c ch m đ t cu c di c, s l ng ng i di c t n n là 887,890 ng i. Th c t ngoài còn cao h n nhi u. Theo Đ ng Phong, sđd. tr. 52, t ng s di c vào Nam là 860,000 ng i.
5. Tô T H và m t nhóm tác gi, *60 năm chính ph Vi t Nam 1945-2005*, Hà N i: Nxb. Thông T n, 2005, tr. 99.
6. Nguyễn Minh C n, *Công lý đòi h i*, California: Nxb. Văn Ngh, 1997, tt. 87-88.
7. William J. Duiker, *Ho Chi Minh*, Nxb. Hyperion, New York, 2000, tr 500.
8. Lê M u Hãn, *Tr n Bá Đ*, Nguyễn Văn Th, *Đ i c ng l ch s Vi t Nam*, t p III, Hà N i: Nxb Giáo D c, 2001, tr. 141.

9. Jung Chang and Jon Halliday, *The Unknown Story MAO*, New York: Alfred A. Knopf, Publisher, 2005, tr. 426.